



CLB HỖ TRỢ HỌC TẬP

BỘ KỸ NĂNG A+

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH



SCAN ME



TÀI LIỆU ĐƯỢC TỔNG HỢP VÀ BIÊN SOẠN BỞI
CLB HỖ TRỢ HỌC TẬP BÁCH KHOA

ĐẠI CƯƠNG KHÓ
CÓ CÚ LÔ



Mục lục

1	Cơ sở lý luận hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh: Tinh hoa văn hóa phương Đông, tinh hoa văn hóa phương Tây.	2
	Câu 1. Phân tích tinh hoa văn hóa Phương Đông trong việc hình thành Tư tưởng Hồ Chí Minh, từ đó rút ra giá trị của tinh hoa ấy trong giai đoạn hiện nay.	2
	Câu 2. Phân tích tinh hoa văn hóa Phương Tây trong việc hình thành Tư tưởng Hồ Chí Minh, từ đó rút ra giá trị của tinh hoa ấy trong giai đoạn hiện nay.	3
2	Quan điểm Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc.	5
	Câu 3. Phân tích tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và trách nhiệm của sinh viên trong việc bảo vệ độc lập dân tộc.	5
3	Những vấn đề nguyên tắc trong hoạt động của Đảng.	8
	Câu 4. Phân tích nguyên tắc: Tập trung dân chủ, Đoàn kết thống nhất trong Đảng. Vận dụng: Ý nghĩa của các nguyên tắc này trong xây dựng Đảng hiện nay?	8
	Câu 5. Phân tích nguyên tắc: Tự phê bình và phê bình, Đoàn kết thống nhất trong Đảng. Vận dụng: Ý nghĩa của các nguyên tắc này trong xây dựng Đảng hiện nay?	9
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước: Nhà nước pháp quyền, Nhà nước dân chủ	11
	Câu 6. Phân tích tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng nhà nước pháp quyền. Liên hệ với việc xây dựng nhà nước ta hiện nay.	11
	Câu 7. Phân tích tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng nhà nước dân chủ. Liên hệ với việc xây dựng nhà nước ta hiện nay.	12
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò của đại đoàn kết dân tộc	15
	Câu 8. Phân tích tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc. Trách nhiệm của sinh viên trong việc xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân.	15
6	Quan điểm Hồ Chí Minh về các chuẩn mực đạo đức cách mạng	17
	Câu 9. Quan điểm Hồ Chí Minh về các chuẩn mực đạo đức cách mạng: Cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Vận dụng: Cách rèn luyện đạo đức cách mạng theo tư tưởng Hồ Chí Minh?	17
7	Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của văn hóa	19
	Câu 10. Phân tích quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của văn hóa. Vận dụng: Trách nhiệm sinh viên xây dựng nền văn hóa hiện nay?	19



1. Cơ sở lý luận hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh: Tinh hoa văn hóa phương Đông, tinh hoa văn hóa phương Tây.

Lưu ý: Trình bày theo **sự hướng dẫn của thầy cô**. Tài liệu chỉ sử dụng với mục đích tham khảo, ôn tập. Sử dụng vào mục đích khác, CLB không chịu trách nhiệm.

Câu 1

Phân tích tinh hoa văn hóa Phương Đông trong việc hình thành Tư tưởng Hồ Chí Minh, từ đó rút ra giá trị của tinh hoa ấy trong giai đoạn hiện nay? ■

a. Phân tích tinh hoa văn hóa Phương Đông trong việc hình thành Tư tưởng Hồ Chí Minh

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tiếp thu một cách chọn lọc những tư tưởng văn hóa tiên bộ của Phương Đông, có thể kể tới như Nho giáo, Phật giáo, Lão giáo, hay một số tư tưởng tiến bộ như chủ nghĩa Tam Dân của Tôn Trung Sơn. Cụ thể:

Nho giáo:

Hồ Chí Minh đã kế thừa và phát triển những mặt tích cực của Nho giáo như: tư tưởng nhân trị và đức trị để quản lý xã hội. Kế thừa và phát triển quan niệm của Nho giáo về việc xây dựng một xã hội lý tưởng trong đó công bằng, bác ái, nhân, nghĩa, trí, dũng, tín, liêm được coi trọng để có thể đi đến một thế giới đại đồng với hòa bình, không có chiến tranh, các dân tộc có quan hệ hữu nghị và hợp tác. Đặc biệt, Hồ Chí Minh chú ý kế thừa, đổi mới, phát tinh thần trong đạo đức của Nho giáo trong việc tu dưỡng rèn luyện đạo đức con người, trong công tác xây dựng Đảng về đạo đức. Tuy nhiên, Hồ Chí Minh cũng phê phán các mặt tiêu cực của Nho giáo như: bảo vệ chế độ phong kiến, phân chia đẳng cấp, trọng nam khinh nữ, coi trọng thi cử; suy nghĩ bảo thủ, một chiều; khinh thường công việc lao động chân tay, lao động xã hội, chỉ đề cao nghề đọc sách...

Người tiếp thu thông qua việc thường xuyên sử dụng các mènh đề để đưa ra vấn đề về việc tu dưỡng đạo đức cá nhân (thể hiện xuyên suốt trong các tác phẩm “Đường Cách mệnh” (1927), “Sửa đổi lối làm việc” (1947), “Cần, kiệm, liêm, chính” (1949) cho đến “Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân” (1969) và bản Di chúc của Người (1969)).

Phật giáo: Hồ Chí Minh chú ý kế thừa, phát triển tư tưởng từ bi, vị tha, yêu thương con người, khuyến khích làm việc thiện, chống lại điều ác; đề cao quyền bình đẳng của con người và chân lý; khuyên con người sống hòa đồng, gắn bó với đất nước của Đạo Phật. Đồng thời phê phán thế giới quan duy tâm, tư tưởng an phận, bi quan yếm thế.

Những quan điểm tích cực trong triết lý của Đạo Phật đã được Hồ Chí Minh vận dụng sáng tạo để đoàn kết đồng bào theo đạo Phật, đoàn kết toàn dân vì một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh.

Lão giáo:

Hồ Chí Minh chú ý kế thừa, phát triển tư tưởng của Lão Tử, khuyên con người nên sống gắn bó với thiên nhiên, hòa đồng với thiên nhiên, hơn nữa phải biết bảo vệ môi trường sống.

Người khuyên can bộ, đảng viên ít lòng ham muôn về vật chất; thực hiện cần kiệm liêm chính, chí công vô tư; hàng động theo đạo lý với ý nghĩa là hành động đúng với quy luật tự nhiên, xã hội.

Chủ nghĩa Tam dân:

Người tiếp tục tìm hiểu chủ nghĩa Tam Dân: “Dân tộc độc lập, dân quyền tự do và dân sinh hạnh phúc” của Tôn Trung Sơn và bước đầu nhận thấy trong đó nhiều tư tưởng tiên bộ, tích cực, phù hợp với xu thế thời đại và có thể vận dụng được vào cách mạng Việt Nam, đó là quan điểm về dân tộc, dân quyền và dân sinh.

Kết luận: Cách thức tiếp thu của Hồ Chí Minh: tiếp thu trên tinh thần biện chứng, có chọn lọc, không rập khuôn máy móc, vận dụng sáng tạo và phát triển vào điều kiện cụ thể của Việt Nam. ƯU điểm được Hồ Chí Minh tiếp thu, cương quyết loại bỏ nhược điểm ra khỏi tư tưởng của mình, đồng thời những điểm chưa phù hợp được HCM cải biến cho phù hợp. Có thể nêu ra một số phạm trù của Nho giáo được Hồ Chí Minh sử dụng như Nhân, Nghĩa, Trí, Dũng, Liêm, Trung, Hiếu, v.v.. Việc Hồ Chí Minh cải tạo các phạm trù của Nho giáo thể hiện rõ nhất ở hai phạm trù Trung và Hiếu. Hồ Chí Minh viết: “Đạo đức, ngày trước thì chỉ trung với vua, hiếu với cha mẹ. Ngày nay, thời đại mới, đạo đức cũng phải mới. Phải trung với nước. Phải hiếu với toàn dân, với đồng bào”. Rõ ràng, ở Hồ Chí Minh, nếu chữ Trung mang một nội hàm hoàn toàn mới, từ Trung với vua trở thành Trung với nước, thì chữ Hiếu lại được mở rộng trên cơ sở phổ quát hoá đạo đức cá nhân, trong đó gốc của Hiếu với Dân phải là Hiếu với cha mẹ.

b. Giá trị tinh hoa văn hóa nhân loại đối với sinh viên trong giai đoạn hiện nay

Trong định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021 - 2030, Đảng xác định: " Phát triển con người Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc để văn hóa thực sự trở thành sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc". Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế hiện nay, con người Việt Nam phát triển toàn diện phải là con người có văn hóa, thầm nhuần bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam, có năng lực tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, làm cho kho tàng ây giàu có hơn, phong phú hơn, cũng là một cách để khẳng định mình trong thế giới rộng lớn. Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập hóa quốc tế hiện nay, khi mà nhân loại đang lo âu về sự đánh mất chính mình trong "thế giới phẳng" và nguy cơ đồng phục văn hóa, chúng ta càng thấy rõ hơn về việc ứng xử linh hoạt với các giá trị của tinh hoa văn hóa nhân loại, góp phần bồi đắp những thiếu hụt cho mỗi bên và tạo nên sự đa dạng văn hóa.

Hiện nay nhiều nguồn văn hóa đang du nhập vào nước ta khiến nhiều người dần thay đổi nhận thức và đánh mất đi những bản sắc, giá trị dân tộc. Hơn lúc nào hết, lúc này chúng ta, nhất là thế hệ trẻ "xung kích" để bảo vệ những giá trị truyền thống văn hóa, để đất nước chúng ta vẫn giữ nguyên được bản sắc, hòa nhập chứ không hòa tan. Để làm được điều đó, mỗi sinh viên chúng ta cần phải tự mình phấn đấu, rèn luyện, tự trau dồi cho bản thân những kỹ năng cần thiết, không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, nỗ lực rèn luyện vì lợi ích chung của cộng đồng và vì chính sự phát triển của bản thân. Quan trọng hơn, thế hệ trẻ cần xây dựng bản lĩnh văn hóa, sẵn sàng đấu tranh với những hoạt động, sản phẩm văn hóa không lành mạnh, chủ động, sáng tạo và linh hoạt trong việc tổ chức các hoạt động định hướng cho sinh viên tiếp thu những mặt tích cực, tiên tiến của văn hóa hiện đại.

Câu 2

Phân tích tinh hoa văn hóa Phương Tây trong việc hình thành Tư tưởng Hồ Chí Minh, Từ đó, liên hệ với việc tiếp thu giá trị văn hóa phương Tây trong giai đoạn hiện nay. ■

a. Phân tích tinh hoa văn hóa Phương Tây trong việc hình thành Tư tưởng Hồ Chí Minh

Ngay từ khi còn học ở Trường tiểu học Pháp-bản xứ ở thành phố Vinh (1905), Hồ Chí Minh đã quan tâm tới khái hiệu nổi tiếng của Đại Cách mạng Pháp năm 1789: Tự do - Bình đẳng - Bác ái. Đi sang phương Tây, Người quan tâm tìm hiểu những khái hiệu nổi tiếng đó trong các cuộc cách mạng tư sản ở Anh, Pháp, Mỹ. Người đã kế thừa, phát triển những quan điểm nhân quyền, dân quyền trong Bản Tuyên ngôn Độc lập năm 1776 của Mỹ, Bản Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền năm 1791 của Pháp và đề xuất quan điểm về quyền mưu cầu độc lập, tự do, hạnh phúc của các dân tộc trong thời đại ngày nay. Trước khi ra đi tìm đường cứu nước, Hồ Chí Minh đã tiếp xúc và chịu ảnh hưởng của văn hóa Pháp, chú ý đến lý tưởng Tự do - Bình đẳng - Bác ái của Cách mạng Pháp (1789), phát triển những quan điểm về dân chủ, quyền độc lập dân tộc trong bản Tuyên ngôn độc lập của nước Mỹ (1776), về nhân quyền và dân quyền trong Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền của nước Pháp (1791).

Trong thời gian Hồ Chí Minh sống và hoạt động ở phương Tây, Người trực tiếp nghiên cứu tư tưởng nhân văn, dân chủ và nhà nước pháp quyền của các nhà khai sáng phương Tây như Vonte, Rútxô, Môngtétxkiô, tìm hiểu chủ nghĩa Tam dân của Tôn Trung Sơn, Trung Quốc; v.v.; thích đọc sách văn học của Shakespeare bằng tiếng Anh, Lô Tấn bằng tiếng Trung Hoa, Hugo, Zola bằng tiếng Pháp; hai nhà văn Anatole France và Léon Tolstoi "có thể nói là những người đỡ đầu văn học" cho Hồ Chí Minh. Ngoài ra, Hồ Chí Minh còn tham gia các hoạt động chính trị, nghiên cứu lý luận, kinh tế, văn hóa, v.v., đồng thời tiếp thu tư tưởng của Thiên Chúa giáo trong quá trình hình thành tư tưởng của mình, tiêu biểu nhất là tinh thần bác ái, yêu thương con người. Cụ thể:

Tư tưởng tự do, bình đẳng, bác ái qua các tác phẩm của nhà khai sáng Pháp (Voltaire, Rousseau, Montesquieu): tiếp thu tinh thần phê phán chế độ chuyên chế, độc tài và khắc họa được hình ảnh con người thiết tha yêu tự do, khát khao đời sống bình đẳng, bác ái. Đồng thời phê phán sự khác nhau giữa yếu tố tiến bộ, những hình ảnh, giá trị đẹp đẽ của tư tưởng và yếu tố thực tế, mang tính thời sự, tính lịch sử lúc bấy giờ. Những kẻ mệnh danh là người phát cao lá cờ "Tự do - Bình đẳng - Bác ái" lại đang làm trái ngược lý tưởng đó ở khắp nơi trên đất Đông Dương. Người tiếp thu tư tưởng, giá trị dân chủ tư sản qua thực tế cuộc sống, điều đó giúp Người có điều kiện hiểu rõ bản chất của bọn thực dân với cái gọi là "khai hóa thuộc địa".

Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền của Đại cách mạng tư sản Pháp năm 1791: tiếp thu các quyền như là quyền cá nhân và quyền tập thể của tất cả các giai cấp là bình đẳng, không thể chuyển nhượng và bất khả xâm phạm với mọi mục đích. Người khẳng định: “Tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng; dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do”. Việc đề cao tư tưởng nhân quyền và dân quyền như trên chính là để khẳng định: mục tiêu của Cách mạng Việt Nam hoàn toàn phù hợp với khuôn khổ pháp lý quốc tế, với “lẽ phải” thông thường và là điều “không ai có thể chối cãi được”.

Tuyên ngôn độc lập của nước Mỹ (1776): tiếp thu các giá trị về quyền sống, quyền tự do, quyền mưu cầu hạnh phúc; sự bình đẳng.

Tư tưởng Thiên chúa giáo: tiếp thu lòng nhân ái và đức hy sinh. Hồ Chí Minh đã kế thừa, đề cao những mặt tốt, vận dụng sáng tạo những mặt tốt ấy để làm phong phú thêm tư tưởng của Người về đại đoàn kết, cả đoàn kết toàn dân trong quốc gia dân tộc và đoàn kết quốc tế. Đề cao, động viên đồng bào Thiên chúa giáo tham gia khôi để tăng thêm lực lượng cho cách mạng; Vạch mặt bọn thực dân, để quốc xâm lược lợi dụng tôn giáo, giả danh Chúa vào mục đích, âm mưu “chia để trị”: gây thù hận giữa cộng sản với tôn giáo; gây thù hận giữa đồng bào lương với đồng bào giáo; thù hận dân tộc này với dân tộc khác... để phục vụ cho mục tiêu xâm lược và chống cộng sản của chúng. Đạo thiên chúa nói riêng và tôn giáo nói chung cùng đồng hành với dân tộc, với cách mạng nước ta.

b. Giá trị của việc tiếp thu văn hóa Phương Tây trong giai đoạn hiện nay:

Quan điểm của Đảng ta: Trong định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021 - 2030, Đảng xác định: " Phát triển con người Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc để văn hóa thực sự trở thành sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc". Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế hiện nay, con người Việt Nam phát triển toàn diện phải là con người có văn hóa, thầm nhuần bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam, có năng lực tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, làm cho kho tàng ấy giàu có hơn, phong phú hơn, cũng là một cách để khẳng định mình trong thế giới rộng lớn. Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập hóa quốc tế hiện nay, khi mà nhân loại đang lo âu về sự đánh mất chính mình trong "thế giới phẳng" và nguy cơ đồng phục văn hóa, chúng ta càng thấy rõ hơn về việc ứng xử linh hoạt với các giá trị của tinh hoa văn hóa nhân loại, góp phần bồi đắp những thiếu hụt cho mỗi bên và tạo nên sự đa dạng văn hóa.

Tiếp thu một cách chọn lọc những giá trị văn hóa phương Tây: Phong cách sống của người phương Tây thiên về sự tự do, tự khám phá giá trị sống; con người ưa sự xê dịch, tìm kiếm các trải nghiệm mới mẻ, họ thích sử dụng các mô hình lập luận, tranh biện, logic, thuật ngữ trong khi trò chuyện. Tuy nhiên, người phương Tây sống theo chủ nghĩa duy vật, đề cao danh tiếng và thành tựu, gắn tiền bạc với sự xa xỉ và giàu có, tôn sùng lợi nhuận. Họ hứng thú và thao tác với công nghệ nhanh hơn là giao tiếp trong đời thực, đồng thời có quan niệm về tình yêu, giá trị hôn nhân khác độc đáo, khác so với chúng ta. Khi đã nhận thức được những giá trị trong văn hóa phương Tây, cần có sự tiếp thu một cách chọn lọc, biết tận dụng những điều tốt, loại bỏ những điều chưa tốt, đồng thời kết hợp hài hòa với truyền thống văn hóa dân tộc ta.

Giá trị của việc tiếp thu văn hóa phương Tây: làm giàu vốn tri thức, kết hợp yếu tố truyền thống và yếu tố hiện đại, phù hợp với các giá trị truyền thống dân tộc, thích nghi với quá trình giao lưu, hội nhập văn hóa. Nhìn chung, trong quá trình toàn cầu hóa, văn hóa, tư duy, lối sống... của phương Tây cũng đem lại những lợi ích nhất định cho Việt Nam, như về các mặt kinh tế, thu nhập quốc dân, mức sống, tiện nghi vật chất... nhưng mặt khác nó cũng đặt ra vấn đề cần giải quyết. Đó là đạo lý, giá trị truyền thống, bản sắc văn hóa dân tộc đang thật sự bị xâm hại. Trước nguy cơ có thật này, cần có ngay những giải pháp thích hợp để chỉnh đốn lại những nề nếp truyền thống, đồng thời tìm cách phát huy cái hay, cái đẹp, cái độc đáo của bản sắc Việt Nam trên đường hội nhập vào kho tàng văn hóa toàn cầu.



2. Quan điểm Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc.

Lưu ý: Trình bày theo **sự hướng dẫn của thầy cô**. Tài liệu chỉ sử dụng với mục đích tham khảo, ôn tập. Sử dụng vào mục đích khác, CLB không chịu trách nhiệm.

Câu 3

Phân tích tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và trách nhiệm của sinh viên trong việc bảo vệ độc lập dân tộc. ■

a. Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc:

Độc lập, tự do là quyền thiêng liêng, bất khả xâm phạm của tất cả các dân tộc:

Lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam từ ngàn xưa đến nay gắn liền với truyền thống yêu nước, đấu tranh chống giặc ngoại xâm. Điều đó nói lên một khát khao to lớn của dân tộc ta là có được một nền độc lập cho dân tộc, tự do cho nhân dân và đó cũng là một giá trị tinh thần thiêng liêng, bất hủ của dân tộc mà Hồ Chí Minh là hiện thân cho tinh thần ấy. Người nói rằng, cái mà tôi cần nhất trên đời là đồng bào tôi được tự do, Tổ quốc tôi được độc lập.

Tại Hội Nghị ở Vécxây (Pháp) năm 1919, Hồ Chí Minh đã gửi tới Hội nghị bản Yêu sách của nhân dân An Nam, với hai nội dung chính là đòi quyền bình đẳng về mặt pháp lý và đòi các quyền tự do, dân chủ. Tuy nhiên bản yêu sách không được Hội nghị chấp nhận nhưng qua đó cho thấy lần đầu tiên, tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền của các dân tộc thuộc địa mà trước hết là quyền bình đẳng và tự do đã hình thành.

Trong Chánh cương văn tắt của Đảng năm 1930, Hồ Chí Minh cũng đã xác định mục tiêu chính trị của Đảng là đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp và bọn phong kiến và làm cho nước Nam được hoàn toàn độc lập. Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, trong Tuyên ngôn Độc lập, Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ lâm thời trình trọng tuyên bố trước quốc dân đồng bào và thế giới rằng: “Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thực đã thành một nước tự do và độc lập. Toàn thể dân Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do và độc lập ấy.”

Ý chí và quyết tâm trên còn được thể hiện trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ. Khi thực dân Pháp tiến hành xâm lược Việt Nam lần thứ hai, trong Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến ngày 19-12-1946, Người ra lời hiệu triệu, thể hiện quyết tâm sắt đá, bảo vệ cho bàng được nền độc lập dân tộc - giá trị thiêng liêng mà nhân dân Việt Nam mới giành được: “Không! Chúng ta thùy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”.

Năm 1965, đế quốc Mỹ tăng cường mở rộng chiến tranh ở Việt Nam. Trong hoàn cảnh khó khăn, chiến tranh ác liệt đó, Hồ Chí Minh đã nêu lên một chân lý thời đại, một tuyên ngôn bất hủ của các dân tộc khao khát nền độc lập, tự do trên thế giới “Không có gì quý hơn độc lập, tự do”. Với tư tưởng trên của Hồ Chí Minh, nhân dân Việt Nam đã anh dũng chiến đấu, đánh thắng đế quốc Mỹ xâm lược, buộc chúng phải ký kết Hiệp định Paris, cam kết tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân ta.

Độc lập dân tộc phải gắn liền tự do, cơm no, áo ấm và hạnh phúc của nhân dân:

Theo Hồ Chí Minh, độc lập dân tộc phải gắn với tự do của nhân dân. Người đánh giá cao học thuyết “Tam dân” của Tôn Trung Sơn về độc lập và tự do: dân tộc độc lập, dân quyền tự do và dân sinh hạnh phúc. Và bằng lý lẽ đầy thuyết phục,

trong khi viện dân bản Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền của Cách mạng Pháp năm 1791, Hồ Chí Minh khẳng định dân tộc Việt Nam đương nhiên cũng phải được tự do và bình đẳng về quyền lợi: “Đó là lẽ phải không ai chối cãi được”. Người nói: “Nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc tự do, thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì”.

Ngoài ra, độc lập cũng phải gắn với cơm no, áo ấm và hạnh phúc của nhân dân. Ngay sau thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 trong hoàn cảnh nhân dân đói rét, mù chữ..., Hồ Chí Minh yêu cầu phải cố gắng để cho nhân dân ai cũng có cái ăn cái mặc, ai cũng có chỗ ở và được học hành.

Có thể thấy, suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh, Người luôn coi độc lập gắn liền với tự do, cơm no, áo ấm cho nhân dân, như Người từng bộc bạch đầy tâm huyết: “Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành”.

Độc lập dân tộc phải là nền độc lập thật sự, hoàn toàn và triệt để:

Trong quá trình đi xâm lược các nước, bọn thực dân đế quốc hay dùng chiêu bài mị dân, thành lập các chính phủ bù nhìn bản xứ, tuyên truyền cái gọi là “độc lập tự do” giả hiệu cho nhân dân các nước thuộc địa nhưng thực chất là nhằm che đậy bản chất “ăn cướp” và “giết người” của chúng.

Theo Hồ Chí Minh, độc lập dân tộc phải là độc lập thật sự, hoàn toàn và triệt để trên tất cả các lĩnh vực. Người nhấn mạnh: độc lập mà người dân không có quyền tự quyết về ngoại giao, không có quân đội riêng, không có nền tài chính riêng...., thì độc lập đó chẳng có ý nghĩa gì. Trên tinh thần đó và trong hoàn cảnh đất nước ta sau Cách mạng Tháng Tám còn gặp nhiều khó khăn, Người đã thay mặt Chính phủ ký với đại diện Chính phủ Pháp Hiệp định Sơ bộ ngày 6-3-1946, theo đó: “Chính phủ Pháp công nhận nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà là một quốc gia tự do có Chính phủ của mình, Nghị viện của mình, quân đội của mình, tài chính của mình”.

Độc lập dân tộc gắn liền với thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ:

Trong lịch sử đấu tranh giành độc lập dân tộc, dân tộc ta luôn đứng trước âm mưu chia cắt đất nước của kẻ thù. Thực dân Pháp khi xâm lược nước ta đã chia đất nước ta ra ba kỳ, mỗi kỳ có chế độ cai trị riêng. Trong hoàn cảnh đó, trong bức Thư gửi đồng bào Nam Bộ (1946), Hồ Chí Minh khẳng định: “Đồng bào Nam Bộ là dân nước Việt Nam. Sông có thể cạn, núi có thể mòn, song chân lý đó không bao giờ thay đổi”. Hiệp định Giơnevơ năm 1954 được ký kết, đất nước Việt Nam tạm thời bị chia cắt làm hai miền, Hồ Chí Minh tiếp tục kiên trì đấu tranh để thống nhất Tổ quốc. Trong Di chúc, Người cũng đã thể hiện niềm tin tuyệt đối vào sự thắng lợi của cách mạng, vào sự thống nhất nước nhà: “Đế quốc Mỹ nhất định phải cút khỏi nước ta. Tổ quốc ta nhất định sẽ thống nhất. Đồng bào Nam Bắc nhất định sẽ sum họp một nhà”. Có thể khẳng định rằng tư tưởng độc lập dân tộc gắn liền với thống nhất Tổ quốc, toàn vẹn lãnh thổ là tư tưởng xuyên suốt trong cuộc đời hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh.

b. Trách nhiệm của sinh viên trong việc bảo vệ độc lập dân tộc

Nhận thức về độc lập dân tộc: hiểu rõ hơn về tư tưởng độc lập dân tộc và vai trò của Hồ Chí Minh trong việc đưa đất nước Việt Nam đến với độc lập tự do. Bên cạnh đó, theo tư tưởng của Hồ Chí Minh, độc lập dân tộc là quyền của mỗi quốc gia và mỗi dân tộc, là một giá trị cốt lõi của con người, đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo sự phát triển và tiến bộ của xã hội. Chính vì thế mà sinh viên cần đưa ra những quan điểm chính xác về độc lập dân tộc, sinh viên cần phải nắm vững các nguyên tắc và giá trị của độc lập dân tộc, bao gồm cả tôn trọng và bảo vệ quyền tự quyết của mỗi quốc gia và mỗi dân tộc sự công bằng và bình đẳng cho tất cả các thành viên trong cộng đồng dân tộc. Sinh viên cần đặt sự tôn trọng và bảo vệ quyền con người lên hàng đầu, đảm bảo sự công bằng và bình đẳng cho tất cả các thành viên trong cộng đồng dân tộc. Đồng thời sinh viên cần phải luôn tìm cách đối thoại và hợp tác với các quốc gia và dân tộc khác trong khu vực và trên thế giới để xây dựng một thế giới hòa bình chính trị ổn định và phát triển bền vững.

Trách nhiệm của sinh viên trong việc bảo vệ độc lập dân tộc thể hiện như thế nào

Sinh viên cần có tri thức hiểu biết về những vấn đề có liên quan đến sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc, bao gồm hiểu biết về đất nước và con người các dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam, hiểu biết về lịch sử truyền thống và bản sắc văn hóa dân tộc, hiểu biết về Đảng Cộng sản, về nhà nước xã hội chủ nghĩa của dân do dân và vì dân về chế độ xã hội chủ nghĩa mà chúng ta đang xây dựng.

Sinh viên sinh viên cần phải cảnh giác tích cực trong đấu tranh với những hành động sai trái, không để các thế lực thù địch, các phần tử chống đối lợi dụng mình để thực hiện diễn biến hòa bình, phát hiện những tổ chức người có hành vi tuyên truyền lôi kéo sinh viên tham gia các hoạt động trái quy định của Pháp luật, nhằm chống lại Đảng Nhà nước để bảo bối cho lãnh đạo của trường chính quyền và các cơ quan bảo vệ pháp luật biết.

Sinh viên cần tích cực tự giác tham gia các hoạt động cụ thể để bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự và an toàn xã hội, tham gia xây dựng nếp sống văn minh trật tự ngay trong trường học ký túc xá và khu vực dân cư mà mình sinh sống, bảo vệ môi trường, giúp đỡ các cơ quan chuyên trách trong bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội

Sinh viên cần tăng cường rèn luyện thể lực, học tập tốt môn học giáo dục quốc phòng an ninh, góp phần chuẩn bị cho lực lượng sẵn sàng chiến đấu bảo vệ tổ quốc và giữ gìn trật tự an toàn xã hội

Sinh viên cần tích cực học tập để nâng cao hiểu biết về toàn vẹn lãnh thổ và tuyên truyền những điều đúng đắn cho mọi người xung quanh. Mỗi sinh viên phải nắm chắc đường lối quan điểm của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước về xây

dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân.



CLB HỖ TRỢ HỌC TẬP

DÀI CƯỜNG KHÓ
CÓ CÚ LO



3. Những vấn đề nguyên tắc trong hoạt động của Đảng.

Lưu ý: Trình bày theo **sự hướng dẫn của thầy cô**. Tài liệu chỉ sử dụng với mục đích tham khảo, ôn tập. Sử dụng vào mục đích khác, CLB không chịu trách nhiệm.

Câu 4

Phân tích nguyên tắc: Tập trung dân chủ, Đoàn kết thống nhất trong Đảng. Vận dụng: Ý nghĩa của các nguyên tắc này trong xây dựng Đảng hiện nay? ■

a. Nguyên tắc tập trung dân chủ

Đây là nguyên tắc tổ chức cơ bản nhất để xây dựng Đảng trở thành một tổ chức chặt chẽ vừa phát huy được sức mạnh của mỗi người, vừa phát huy được sức mạnh của tập thể.

Tập trung: là sự thống nhất về mặt tư tưởng, tổ chức, hành động. Biểu hiện của tập trung trong Đảng là thiểu số phục tùng đa số, cấp dưới phục tùng cấp trên; mọi đảng viên phải chấp hành vô điều kiện Điều lệ Đảng, các nghị quyết, chỉ thị của Đảng. Dân chủ: là tạo điều kiện để mọi đảng viên phát biểu ý kiến, trình bày sáng kiến, có quyền bảo lưu ý kiến; phải thật sự mở rộng dân chủ để tất cả đảng viên bày tỏ ý kiến của mình.

Theo Hồ Chí Minh, “tập trung” và “dân chủ” là hai mặt của một vấn đề, có mối quan hệ biện chứng với nhau. Tập trung và dân chủ luôn thống nhất, gắn bó chặt chẽ: Tập trung trên cơ sở dân chủ nhằm chống quan liêu, độc đoán chuyên quyền. Dân chủ để đi tới tập trung, là cơ sở của tập trung chứ không phải vô tổ chức, tùy tiện, phân tán. Tập trung trên nền tảng dân chủ và dân chủ phải dưới sự chỉ đạo của tập trung. Điều kiện tiên quyết khi thực hiện nguyên tắc này là tổ chức đảng phải trong sạch, vững mạnh.

Theo Người, nguyên tắc này quan hệ mật thiết với nguyên tắc “tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách”, “tập thể lãnh đạo là dân chủ, cá nhân phụ trách là tập trung”. Tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách là dân chủ tập trung. Thực hiện tập thể lãnh đạo là khi xây dựng nghị quyết, đường lối, chính sách phải được tập thể bàn bạc, thảo luận. Vì một cá nhân dù tài giỏi đến đâu cũng không thể có được cái nhìn đa chiều, nếu lãnh đạo không tập thể sẽ dẫn đến hỏng việc.

Thực hiện cá nhân phụ trách nghĩa là: “Việc gì đã được đồng người bàn bạc kỹ lưỡng rồi, kế hoạch rõ ràng rồi, thì cần phải giao cho một người hoặc một nhóm người phụ trách theo kế hoạch mà làm, như thế công việc mới chạy”. Cần tránh việc bàn chung mà không ai làm, “cha chung không ai khóc” thì “việc gì cũng không xong”.

Thực hiện nguyên tắc này phải linh hoạt: “Không thể việc nhỏ nhặt vụn vặt cũng chờ tập thể bàn bạc”; không thể tin vào trách nhiệm cá nhân “để lẩn át tập thể, dẫn đến độc đoán chuyên quyền”.

b. Đoàn kết thống nhất trong Đảng

Đoàn kết nhất trí là sức mạnh của Đảng. Đảng tuy nhiều người, nhưng đoàn kết thì khi tiến đánh sẽ như một người.

Đoàn kết là truyền thống quý báu của Đảng và dân tộc, mỗi đồng chí đảng viên từ Trung ương tới các chi bộ phải giữ gìn sự đoàn kết thống nhất trong Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình.

Đoàn kết phải trên cơ sở nhất trí cao với quan điểm, đường lối chính sách, điều lệ Đảng và kỷ luật Đảng.

Đoàn kết gắn bó với tự phê bình và phê bình, không một chiêu, thủ tiêu đấu tranh.

Đoàn kết trong Đảng gắn với đoàn kết với các Đảng anh em vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, làm tốt trách nhiệm và nghĩa vụ quốc tế.

c. Vận dụng: Ý nghĩa của các nguyên tắc này trong xây dựng Đảng hiện nay

Hiện nay, trong quá trình xây dựng và phát triển, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn coi trọng việc tuân thủ các nguyên tắc cơ bản nhằm giữ vững và phát huy vai trò lãnh đạo của mình. Trong đó, các nguyên tắc: tập trung dân chủ, Đoàn kết thống nhất trong Đảng là những nguyên tắc then chốt, góp phần xây dựng sự vững mạnh và uy tín của Đảng.

Hiện nay, Đảng Cộng sản Việt Nam đã áp dụng nguyên tắc tập trung dân chủ bằng cách tổ chức các cuộc họp, hội nghị từ cấp chi bộ đến trung ương, nơi mà các ý kiến, quan điểm của đảng viên đều được lắng nghe và thảo luận kỹ lưỡng trước khi đưa ra quyết định. Điều này không chỉ giúp đảm bảo tính dân chủ trong nội bộ Đảng mà còn tạo sự đồng thuận và đoàn kết trong việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, xã hội của đất nước.

Hiện nay, Đảng Cộng sản Việt Nam đang đẩy mạnh công tác tự chỉnh đốn thông qua các chiến dịch chống tham nhũng, thực hiện các nghị quyết trung ương về xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Việc này không chỉ giúp nâng cao uy tín của Đảng mà còn củng cố niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng.

Việc hoạt động tuân thủ nghiêm các nguyên tắc đã giúp Đảng luôn giữ được vị trí quan trọng hàng đầu trong lãnh đạo nhân dân và đất nước phát triển, đạt được nhiều thành tựu nổi bật trong phát triển kinh tế, văn hóa, ngoại giao, nâng tầm vị thế Việt Nam trong khu vực và quốc tế. Tuy nhiên ở một số khâu trong quy trình hoạt động vẫn chưa được trơn tru, còn một số khuyết điểm dân đến nhiều sự vụ đáng tiếc gần đây, điều này càng khẳng định hơn sự quan trọng của việc phải tuân thủ nghiêm ngặt các nguyên tắc.

Nếu hoạt động thiếu đi các nguyên tắc Tập trung dân chủ, Đoàn kết thống nhất trong Đảng, Đảng sẽ đối mặt với nguy cơ mất đoàn kết, suy thoái về tư tưởng, đạo đức và lối sống của đảng viên. Điều này có thể dẫn đến tình trạng lạm quyền, tham nhũng, và mất lòng tin của nhân dân. Hậu quả nghiêm trọng hơn, Đảng có thể mất đi vai trò lãnh đạo và sức chiến đấu, ảnh hưởng xấu đến sự phát triển của đất nước.

Chính vì thế việc tuân thủ và thực hiện nghiêm túc các nguyên tắc này không chỉ đảm bảo sự trong sạch, vững mạnh của Đảng mà còn củng cố niềm tin của nhân dân, góp phần đưa đất nước phát triển bền vững.

Câu 5

Phân tích nguyên tắc: Tự phê bình và phê bình, Đoàn kết thống nhất trong Đảng. Vận dụng: Ý nghĩa của các nguyên tắc này trong xây dựng Đảng hiện nay?

a. Tự phê bình và phê bình

Đây là nguyên tắc sinh hoạt, quy luật phát triển của Đảng.

Tự phê bình là nêu ưu điểm và khuyết điểm của bản thân mình. Phê bình là nêu ưu điểm và khuyết điểm của đồng chí mình. Tự phê bình và phê bình là để nhận rõ ưu khuyết điểm của mình và đồng chí mình để có hướng phát huy và khắc phục. Cần phải phê bình và tự phê bình vì:

+ Với tổ chức Đảng: “Một Đảng mà giàu gièm khuyết điểm của mình là một Đảng hỏng. Một Đảng có gan thừa nhận khuyết điểm của mình, xem khuyết điểm đó từ đâu tới rồi tìm cách sửa chữa. Như vậy mới là một Đảng mạnh dạn, chắc chắn chân chính”.

+ Với mỗi cán bộ, đảng viên, không ai tránh khỏi khuyết điểm, phải tự phê bình trước, phải biết mình phải quấy chổ nào trước rồi phê bình người khác. Mục đích của tự phê bình và phê bình là để giúp nhau tiến bộ, giúp nhau sửa chữa khuyết điểm; làm cái ác mất dần đi, cái thiện ngày nở sinh sôi, để làm việc tốt hơn; toàn Đảng sẽ dần hết khuyết điểm, ưu điểm ngày càng nhiều thêm. Suy cho cùng, tự phê bình và phê bình làm cho tổ chức trở lên vững mạnh, đoàn kết.

Khi tự phê bình và phê bình cần giữ thái độ thật thà, không thêm bớt; cần có phương pháp phù hợp, vừa khéo léo, vừa cụ thể; cần kết hợp phê bình trong nội bộ Đảng và trước toàn dân chúng. Tự phê bình và phê bình phải thường xuyên như hằng ngày rửa mặt.

b. Đoàn kết thống nhất trong Đảng

Đoàn kết nhất trí là sức mạnh của Đảng. Đảng tuy nhiều người, nhưng đoàn kết thì khi tiến đánh sẽ như một người.

Đoàn kết là truyền thống quý báu của Đảng và dân tộc, mỗi đồng chí đảng viên từ Trung ương tới các chi bộ phải giữ gìn sự đoàn kết thống nhất trong Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình.

Đoàn kết phải trên cơ sở nhất trí cao với quan điểm, đường lối chính sách, điều lệ Đảng và kỷ luật Đảng.

Đoàn kết gắn bó với tự phê bình và phê bình, không một chiều, thủ tiêu đấu tranh.

Đoàn kết trong Đảng gắn với đoàn kết với các Đảng anh em vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, làm tốt trách nhiệm và nghĩa vụ quốc tế.

c. Văn dụng: Ý nghĩa của các nguyên tắc này trong xây dựng Đảng hiện nay

Hiện nay, trong quá trình xây dựng và phát triển, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn coi trọng việc tuân thủ các nguyên tắc cơ bản nhằm giữ vững và phát huy vai trò lãnh đạo của mình. Trong đó, các nguyên tắc: tự phê bình và phê bình, Đoàn kết thống nhất trong Đảng là những nguyên tắc then chốt, góp phần xây dựng sự vững mạnh và uy tín của Đảng.

Hiện nay, Đảng Cộng sản Việt Nam thường xuyên thực hiện nguyên tắc phê bình và tự phê bình thông qua các buổi sinh hoạt chi bộ, hội nghị kiểm điểm định kỳ, nơi các đảng viên thẳng thắn nêu ra những hạn chế, khuyết điểm của bản thân và của đồng chí mình. Những buổi kiểm điểm này không chỉ là cơ hội để các đảng viên cải thiện mà còn là dịp để Đảng chỉnh đốn lại tổ chức, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu.

Hiện nay, Đảng Cộng sản Việt Nam đang đẩy mạnh công tác tự chỉnh đốn thông qua các chiến dịch chống tham nhũng, thực hiện các nghị quyết trung ương về xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Việc này không chỉ giúp nâng cao uy tín của Đảng mà còn củng cố niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng.

Việc hoạt động tuân thủ nghiêm các nguyên tắc đã giúp Đảng luôn giữ được vị trí quan trọng hàng đầu trong lãnh đạo nhân dân và đất nước phát triển, đạt được nhiều thành tựu nổi bật trong phát triển kinh tế, văn hóa, ngoại giao, nâng tầm vị thế Việt Nam trong khu vực và quốc tế. Tuy nhiên ở một số khâu trong quy trình hoạt động vẫn chưa được trơn tru, còn một số khuyết điểm dẫn đến nhiều sự vụ đáng tiếc gần đây, điều này càng khẳng định hơn sự quan trọng của việc phải tuân thủ nghiêm ngặt các nguyên tắc.

Nếu hoạt động thiếu đi các nguyên tắc Tự phê bình và phê bình, Đoàn kết thống nhất trong Đảng, Đảng sẽ đổi mới với nguy cơ mất đoàn kết, suy thoái về tư tưởng, đạo đức và lối sống của đảng viên. Điều này có thể dẫn đến tình trạng lạm quyền, tham nhũng, và mất lòng tin của nhân dân. Hậu quả nghiêm trọng hơn, Đảng có thể mất đi vai trò lãnh đạo và sức chiến đấu, ảnh hưởng xấu đến sự phát triển của đất nước.

Chính vì thế việc tuân thủ và thực hiện nghiêm túc các nguyên tắc này không chỉ đảm bảo sự trong sạch, vững mạnh của Đảng mà còn củng cố niềm tin của nhân dân, góp phần đưa đất nước phát triển bền vững.



CLB HỖ TRỢ HỌC TẬP

DÀI CƯỜNG KHÓ
CÓ CÚ LO



4. Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước: Nhà nước pháp quyền, Nhà nước dân chủ

Lưu ý: Trình bày theo **sự hướng dẫn của thầy cô**. Tài liệu chỉ sử dụng với mục đích tham khảo, ôn tập. Sử dụng vào mục đích khác, CLB không chịu trách nhiệm.

Câu 6

Phân tích tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng nhà nước pháp quyền. Liên hệ với việc xây dựng nhà nước ta hiện nay. ■

Thứ nhất, nhà nước CHXHCN Việt Nam là nhà nước hiến pháp, hợp pháp.

Nhà nước ta được nhân dân tổ chức thông qua tổng tuyển cử, được xây dựng và hoạt động theo các nguyên tắc của hiến pháp.

Hồ Chí Minh nêu ra và thực hiện điều này ngay sau khi Cách mạng Tháng Tám thành công, chính quyền thuộc về nhân dân. Sau khi giành chính quyền trong cả nước, Hồ Chí Minh đã thay mặt chính phủ lâm thời đọc bản *Tuyên ngôn độc lập* tuyên bố với quốc dân đồng bào và thế giới về sự khai sinh của nước Việt Nam mới. Nhờ đó, chính phủ lâm thời do cuộc cách mạng của nhân dân ta lập ra có được địa vị hợp pháp.

Tiếp đó, trong phiên họp đầu tiên của chính phủ lâm thời (ngày 3-9-1945), Hồ Chí Minh đã đề nghị Chính phủ tổ chức sớm cuộc tổng tuyển cử với chế độ phổ thông đầu phiếu để lập nên Quốc hội rồi từ đó lập ra Chính phủ và các cơ quan, bộ máy hợp hiến thể hiện quyền lực tối cao của nhân dân. Ngày 2-3-1946, Quốc hội khoá I nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đã họp phiên đầu tiên, lập ra các tổ chức, bộ máy và các chức vụ chính thức của nhà nước. Đây chính là Chính phủ có đầy đủ tư cách pháp lý để giải quyết một cách có hiệu quả những vấn đề đổi mới và đổi ngoại của nước ta.

Thứ hai, nhà nước ta là nhà nước thượng tôn pháp luật.

Hồ Chí Minh luôn chú trọng vấn đề xây dựng nền tảng pháp lý cho Nhà nước Việt Nam mới. Người đã sớm thấy rõ tầm quan trọng của Hiến pháp và pháp luật trong đời sống chính trị - xã hội. Điều này thể hiện trong bản *Yêu sách của nhân dân An Nam*: đòi quyền bình đẳng về chế độ pháp lý cho người An Nam. Sau này, khi trở thành người đứng đầu Nhà nước Việt Nam mới, Người càng quan tâm sâu sắc hơn việc bảo đảm cho Nhà nước được tổ chức và vận hành phù hợp với pháp luật, đồng thời, căn cứ vào pháp luật để điều hành xã hội.

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, Nhà nước quản lý xã hội bằng bộ máy nhà nước và nhiều biện pháp khác nhau, nhưng quan trọng nhất là quản lý bằng Hiến pháp và pháp luật nói chung. Muốn vậy, trước hết, cần làm tốt công tác lập pháp.

Cùng với công tác lập pháp, chủ tịch Hồ Chí Minh cũng rất chú trọng *đưa pháp luật vào cuộc sống, đảm bảo cho pháp luật được thi hành và có cơ chế giám sát việc thi hành pháp luật*. Người chỉ rõ sự cần thiết phải nâng cao trình độ hiểu biết và năng lực sử dụng pháp luật cho người dân, giáo dục ý thức tôn trọng và tuân thủ pháp luật trong nhân dân. Người cho rằng công tác giáo dục pháp luật cho mọi người, đặc biệt là thế hệ trẻ trở nên cực kỳ quan trọng trong việc xây dựng một Nhà nước pháp quyền, đảm bảo mọi quyền và nghĩa vụ của công dân được thực thi trong cuộc sống.

Hồ Chí Minh luôn nêu cao tính nghiêm minh của pháp luật. Điều đó đòi hỏi pháp luật phải đúng và phải đủ; tăng cường tuyên truyền, giáo dục pháp luật cho mọi người dân; người thực thi pháp luật phải thật sự công tâm, nghiêm minh.

Người còn luôn luôn khuyến khích nhân dân phê bình, giám sát công việc của nhà nước, giám sát quá trình nhà nước thực thi pháp luật, đồng thời không ngừng nhắc nhở cán bộ các cấp, các ngành phải gương mẫu trong việc thực thi pháp luật, trước hết là các cán bộ thuộc ngành hành pháp và tư pháp.

Thứ ba, nhà nước ta là nhà nước pháp quyền nhân nghĩa.

Pháp quyền nhân nghĩa tức là trước hết Nhà nước phải tôn trọng, đảm bảo thực hiện đầy đủ các quyền con người, chăm lo đến lợi ích hợp pháp của mọi người. Người đề cập đến các quyền tự nhiên của con người, trong đó có quyền cao nhất là quyền sống, đồng thời cũng đề cập đến các quyền chính trị - dân sự, quyền kinh tế, văn hóa, xã hội của con người. Hiến pháp của đất nước đã ghi nhận một cách toàn diện quyền con người ở Việt Nam. Đó là nền tảng pháp lý để bảo vệ và thực thi các quyền con người đó một cách triệt để.

Trong pháp quyền nhân nghĩa, pháp luật có tính nhân văn, khuyến thiện. Tính nhân văn của hệ thống pháp luật thể hiện ở việc ghi nhận đầy đủ và bảo vệ quyền con người, ở tính nghiêm minh nhưng khách quan và công bằng. Đặc biệt, hệ thống pháp luật đó có tính khuyến thiện, bảo vệ cái đúng, cái tốt, lấy mục đích giáo dục, cảm hóa, thức tỉnh con người làm căn bản. Nói cách khác, pháp luật trong Nhà nước pháp quyền nhân nghĩa phải là pháp luật vì con người.

Liên hệ với việc xây dựng nhà nước XHCN Việt Nam hiện nay:

Đại hội Đảng lần thứ XIII đã xác định: "Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân Đảng lãnh đạo là nhiệm vụ trọng tâm của đổi mới hệ thống chính trị."

Cần đẩy mạnh việc hoàn thiện pháp luật gắn với tổ chức thi hành pháp luật nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả của Nhà nước; bảo đảm pháp luật vừa là công cụ để Nhà nước quản lý xã hội, vừa là công cụ để nhân dân làm chủ, kiểm tra, giám sát quyền lực nhà nước. Quản lý nhà nước theo pháp luật, đồng thời coi trọng xây dựng nền tảng đạo đức xã hội.

Cần tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật, tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền và nghĩa vụ của công dân. Phải xác định rõ cơ chế phân công, phối hợp thực thi quyền lực nhà nước, nhất là cơ chế kiểm soát quyền lực giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp trên cơ sở kiểm soát quyền lực nhà nước là thống nhất; xác định rõ hơn quyền hạn và trách nhiệm của mỗi quyền.

Chú trọng công tác xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức. Đẩy mạnh dân chủ hóa công tác cán bộ, quy định rõ trách nhiệm, thẩm quyền của mỗi tổ chức, mỗi cấp trong xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức cõi bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức trong sáng, cố trình độ, năng lực chuyên môn phù hợp để thực thi đầy đủ trách nhiệm công vụ, đáp ứng yêu cầu của giai đoạn mới.

Câu 7

Phân tích tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng nhà nước dân chủ. Liên hệ với việc xây dựng nhà nước ta hiện nay.

Bản chất giai cấp của nhà nước

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, Nhà nước Việt Nam là nhà nước dân chủ, nhưng tuyệt nhiên nó không phải là "Nhà nước toàn dân", hiểu theo nghĩa là nhà nước phi giai cấp. Nhà nước ở đâu và bao giờ cũng mang bản chất của một giai cấp nhất định. *Nhà nước Việt Nam mới – Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, theo quan điểm của Hồ Chí Minh, là một nhà nước mang bản chất giai cấp công nhân. Bản chất giai cấp công nhân của Nhà nước Việt Nam thể hiện trên các phương diện:*

Một là, Đảng Cộng sản Việt Nam giữ vị trí và vai trò cầm quyền. Lời nói đầu của bản Hiến pháp năm 1959 khẳng định: "Nhà nước của ta là Nhà nước dân chủ nhân dân, dựa trên nền tảng liên minh công nông, do giai cấp công nhân lãnh đạo". Ngay trong quan điểm về nhà nước dân chủ, nhà nước do nhân dân là người chủ nắm chính quyền, Hồ Chí Minh đã nhấn mạnh nòng cốt của nhân dân là liên minh công – nông – trí, do giai cấp công nhân mà đội tiên phong của nó là Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Đảng cầm quyền bằng phương thức thích hợp sau đây: (1) Bằng đường lối, quan điểm, chủ trương để Nhà nước thể chế hóa thành pháp luật, chính sách, kế hoạch; (2) Bằng hoạt động của các tổ chức đảng và đảng viên của mình trong bộ máy, cơ quan nhà nước; (3) Bằng công tác kiểm tra.

Hai là, bản chất giai cấp của Nhà nước Việt Nam thể hiện ở tính định hướng xã hội chủ nghĩa trong sự phát triển đất nước. Đưa đất nước đi lên chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản là mục tiêu cách mạng nhất quán của Hồ Chí Minh. Việc giành lấy chính quyền, lập nên Nhà nước Việt Nam mới, chính là để giai cấp công nhân và nhân dân lao động có được một tổ chức mạnh mẽ nhằm thực hiện mục tiêu nói trên.

Ba là, bản chất giai cấp công nhân của Nhà nước thể hiện ở nguyên tắc tổ chức và hoạt động của nó là nguyên tắc tập trung dân chủ. Hồ Chí Minh rất chú ý đến cả hai mặt dân chủ và tập trung trong tổ chức và hoạt động của tất cả bộ máy, cơ quan nhà nước. Người nhấn mạnh đến sự cần thiết phải phát huy cao độ dân chủ, đồng thời cũng nhấn mạnh phải phát huy cao độ tập trung, Nhà nước phải tập trung thống nhất quyền lực để tất cả mọi quyền lực thuộc về nhân dân.

Trong Nhà nước Việt Nam, **bản chất giai cấp công nhân thống nhất với tính nhân dân và tính dân tộc**. Hồ Chí Minh là người giải quyết rất thành công mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc với vấn đề giai cấp trong cách mạng Việt Nam. Trong tư tưởng của Người về Nhà nước mới ở Việt Nam, bản chất giai cấp công nhân của Nhà nước thống nhất với tính nhân dân và tính dân tộc, thể hiện cụ thể như sau:

Một là, Nhà nước Việt Nam ra đời là kết quả của cuộc đấu tranh lâu dài, gian khổ của rất nhiều thế hệ người Việt Nam, của toàn thể dân tộc. Từ giữa thế kỷ XIX, khi đất nước bị ngoại xâm, các tầng lớp nhân dân Việt Nam, hết thế hệ này đến đến thế hệ khác đã không quản hy sinh, xương máu chiến đấu cho độc lập, tự do của Tổ quốc. Từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, trở thành lực lượng lãnh đạo sự nghiệp cách mạng của dân tộc, với chiến lược đại đoàn kết đúng đắn, sức mạnh của toàn dân tộc đã được tập hợp và phát huy cao độ, chiến thắng ngoại xâm, giành lại độc lập, tự do, lập nên Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa - Nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam châu Á. Nhà nước Việt Nam mới, do vậy, không phải của riêng giai cấp, tầng lớp nào, mà là thuộc về nhân dân.

Hai là, Nhà nước Việt Nam ngay từ khi ra đời đã xác định rõ và luôn kiên trì, nhất quán mục tiêu vì quyền lợi của nhân dân, lấy quyền lợi của dân tộc làm nền tảng. Bản chất của vấn đề này là ở chỗ, Hồ Chí Minh khẳng định quyền lợi cơ bản của giai cấp công nhân thống nhất với lợi ích của nhân dân lao động và của toàn dân tộc. Nhà nước Việt Nam mới là người đại diện, bảo vệ, đấu tranh không chỉ cho lợi ích của giai cấp công nhân, mà còn của nhân dân lao động và của toàn dân tộc.

Ba là, trong thực tế, Nhà nước mới ở Việt Nam đã đảm đương nhiệm vụ mà toàn thể dân tộc giao phó là tổ chức nhân dân tiến hành các cuộc kháng chiến để bảo vệ nền độc lập, tự do của Tổ quốc, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, góp phần tích cực vào sự phát triển tiến bộ của thế giới. Con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội và đi đến chủ nghĩa cộng sản là con đường mà Hồ Chí Minh và Đảng ta đã xác định, cũng là sự nghiệp của chính Nhà nước.

Nhà nước của nhân dân

Theo quan điểm của Hồ Chí Minh, nhà nước của nhân dân là nhà nước mà tất cả mọi quyền lực trong nhà nước và trong xã hội đều thuộc về nhân dân. Người khẳng định: “Trong Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa của chúng ta, tất cả mọi quyền lực đều là của nhân dân”. Nhà nước của dân tức là “dân là chủ”. Nguyên lý “dân là chủ” khẳng định địa vị chủ thể tối cao của mọi quyền lực là nhân dân.

Trong Nhà nước dân chủ, nhân dân thực thi quyền lực thông qua hai hình thức dân chủ trực tiếp và dân chủ gián tiếp. Dân chủ trực tiếp là hình thức dân chủ trong đó nhân dân trực tiếp quyết định mọi vấn đề liên quan đến vận mệnh của quốc gia, dân tộc và quyền lợi của dân chúng. Hồ Chí Minh luôn coi trọng hình thức dân chủ trực tiếp bởi đây là hình thức dân chủ hoàn bị nhất, đồng thời tạo mọi điều kiện thuận lợi để thực hành dân chủ trực tiếp.

Cùng với dân chủ trực tiếp, dân chủ gián tiếp hay dân chủ đại diện là hình thức dân chủ được sử dụng rộng rãi nhằm thực thi quyền lực của nhân dân. Đó là hình thức dân chủ mà trong đó nhân dân thực thi quyền lực của mình thông qua các đại diện mà họ lựa chọn, bầu ra và những thiết chế quyền lực mà họ lập nên. Theo quan điểm của Hồ Chí Minh, trong hình thức dân chủ gián tiếp:

Quyền lực nhà nước là “thừa ủy quyền” của nhân dân. Tự bản thân nhà nước không có quyền lực. Quyền lực của nhà nước là do nhân dân ủy thác do. Do vậy, các cơ quan quyền lực nhà nước cùng với đội ngũ cán bộ của nó đều là “công bộc” của nhân dân, nghĩa là “gánh vác việc chung cho dân, chứ không phải để đè đầu dân”. Ở đây, Hồ Chí Minh đã xác định rõ vị thế và mối quan hệ giữa nhân dân với cán bộ nhà nước trên cơ sở nhân dân là chủ thể nắm giữ mọi quyền lực. Theo Hồ Chí Minh: “Dân làm chủ thì Chủ tịch, Bộ trưởng, thứ trưởng, ủy viên này uỷ viên khác là làm gì? Làm đầy tớ. Làm đầy tớ cho nhân dân, chứ không phải là làm quan cách mạng”; “Nước ta là nước dân chủ, địa vị cao nhất là dân, vì dân là chủ. Trong bộ máy cách mạng, từ người quét nhà, nấu ăn cho đến Chủ tịch một nước đều là phân công làm đầy tớ cho dân”. Hồ Chí Minh kịch liệt phê phán những cán bộ nhà nước thoái hóa, biến chất, từ chối là công bộc của dân đã trở thành “quan cách mạng”, đứng trên nhân dân, coi khinh nhân dân, “cậy thế” với dân, “quên rằng dân bầu mình ra là để làm việc cho dân”.

Nhân dân có quyền kiểm soát, phê bình nhà nước, có quyền bãi miễn những đại biểu mà họ đã lựa chọn, bầu ra và có quyền giải tán những thiết chế quyền lực mà họ đã lập nên. Đây là quan điểm rõ ràng, kiên quyết của Hồ Chí Minh nhằm đảm bảo cho mọi quyền lực, trong đó có quyền lực nhà nước, luôn nằm trong tay dân chúng. Một nhà nước thật sự của dân, theo Hồ Chí Minh, luôn “mong đồng bào giúp đỡ, đôn đốc, kiểm soát và phê bình để làm trọn nhiệm vụ của mình là người đầy tớ trung thành tận tụy của nhân dân”; trong Nhà nước đó, “nhân dân có quyền bãi miễn đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân nếu những đại biểu ấy tỏ ra không xứng đáng với sự tín nhiệm của nhân dân”, thậm chí, “nếu Chính phủ làm hại dân thì dân có quyền đuổi Chính phủ”.

Luật pháp dân chủ và là công cụ quyền lực của nhân dân. Theo Hồ Chí Minh, sự khác biệt căn bản của luật pháp trong Nhà nước Việt Nam mới với luật pháp của các chế độ tư sản, phong kiến là ở chỗ nó phản ánh được ý nguyện và bảo vệ quyền lợi của dân chúng. Luật pháp đó là của nhân dân, là công cụ thực thi quyền lực của nhân dân, là phương tiện để kiểm soát quyền lực nhà nước.

Nhà nước do nhân dân

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, nhà nước do nhân dân trước hết là nhà nước do nhân dân lập nên sau thắng lợi của sự

nghiệp cách mạng của toàn dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Nhân dân “cử ra”, “tổ chức nên” nhà nước dựa trên nền tảng pháp lý của một chế độ dân chủ và theo các trình tự dân chủ với các quyền bầu cử, phúc quyết, v.v..

Nhà nước do nhân dân còn có nghĩa “dân làm chủ”. Người khẳng định rõ: “Nước ta là nước dân chủ, nghĩa là nước nhà do nhân dân làm chủ”. Nếu “dân là chủ” xác định vị thế của nhân dân đối với quyền lực nhà nước, thì “dân làm chủ” nhấn mạnh quyền lợi và nghĩa vụ của nhân dân với tư cách là người chủ. Theo quan điểm của Hồ Chí Minh, “nhân dân có *quyền lợi* làm chủ, thì phải có *nghĩa vụ* làm tròn bổn phận công dân, giữ đúng đạo đức công dân”. Nhân dân làm chủ thì phải tuân theo pháp luật của Nhà nước, tuân theo kỷ luật lao động, giữ gìn trật tự chung, đóng góp (nộp thuế) đúng kỳ, đúng số để xây dựng lợi ích chung, hăng hái tham gia công việc chung, bảo vệ tài sản công cộng, bảo vệ Tổ quốc, v.v..

Trong nhà nước do nhân dân làm chủ, nhà nước phải tạo mọi điều kiện để nhân dân được thực thi những quyền mà Hiến pháp và pháp luật đã quy định, hưởng dụng đầy đủ quyền lợi và làm tròn nghĩa vụ làm chủ của mình. Người yêu cầu cán bộ, đảng viên phải thật sự tôn trọng quyền làm chủ của nhân dân.

Nhà nước do nhân dân cần coi trọng việc giáo dục nhân dân, đồng thời nhân dân cũng phải tự giác phấn đấu để có đủ năng lực thực hiện quyền dân chủ của mình. Hồ Chí Minh nói: “Chúng ta là những người lao động làm chủ nước nhà. Muốn làm chủ được tốt, phải có năng lực làm chủ”. Không chỉ tuyên bố quyền làm chủ của nhân dân, cũng không chỉ đưa nhân dân tham gia công việc nhà nước, mà còn chuẩn bị và động viên nhân dân chuẩn bị tốt năng lực làm chủ, quan điểm đó thể hiện tư tưởng dân chủ triệt để của Hồ Chí Minh khi nói về nhà nước do nhân dân.

Nhà nước vì nhân dân

Nhà nước vì dân là nhà nước phục vụ lợi ích và nguyện vọng của nhân dân, không có đặc quyền đặc lợi, thực sự trong sạch, cần kiệm liêm chính. Hồ Chí Minh là một vị Chủ tịch vì dân và Người yêu cầu các cơ quan nhà nước, các cán bộ nhà nước đều phải vì nhân dân phục vụ. Người nói: “Các công việc của Chính phủ làm phải nhắm vào một mục đích duy nhất là mưu tự do hạnh phúc cho mọi người. Cho nên Chính phủ nhân dân bao giờ cũng phải đặt quyền lợi dân lên trên hết thảy. Việc gì có lợi cho dân thì làm. Việc gì có hại cho dân thì phải tránh”. Theo Hồ Chí Minh, thước đo một Nhà nước vì dân là phải được lòng dân. Hồ Chí Minh đặt vấn đề với cán bộ Nhà nước phải “làm sao cho được lòng dân, dân tin, dân mến, dân yêu”, đồng thời chỉ rõ: “muốn được dân yêu, muốn được lòng dân, trước hết phải yêu dân, phải đặt quyền lợi của dân trên hết thảy, phải có một tinh thần chí công vô tư”. Trong Nhà nước vì dân, cán bộ vừa là đầy tớ, nhưng đồng thời phải vừa là người lãnh đạo nhân dân. Hai đòi hỏi này tưởng chừng như mâu thuẫn, nhưng đó là những phẩm chất cần có ở người cán bộ nhà nước vì dân. Là đầy tớ thì phải trung thành, tận tụy, cần kiệm liêm chính, chí công vô tư, lo trước thiên hạ, vui sau thiên hạ. Là người lãnh đạo thì phải có trí tuệ hơn người, minh mẫn, sáng suốt, nhìn xa trông rộng, gần gũi nhân dân, trọng dụng hiền tài. Như vậy, để làm người thay mặt nhân dân phải gồm đủ cả đức và tài, phải vừa hiền lại vừa minh. Phải như thế thì mới có thể “chẳng những làm những việc trực tiếp có lợi cho dân, mà cũng có khi làm những việc mới xem qua như là hại đến dân”, nhưng thực chất là vì lợi ích toàn cục, vì lợi ích lâu dài của nhân dân.

Phản liên hệ tương tự với câu 6

CLB HỖ TRỢ HỌC TẬP



5. Tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò của đại đoàn kết dân tộc

Lưu ý: Trình bày theo **sự hướng dẫn của thầy cô**. Tài liệu chỉ sử dụng với mục đích tham khảo, ôn tập. Sử dụng vào mục đích khác, CLB không chịu trách nhiệm.

Câu 8

Phân tích tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc. Trách nhiệm của sinh viên trong việc xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân.

a. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của đại đoàn kết dân tộc thể hiện ở các vấn đề chính sau:

Thứ nhất, đại đoàn kết dân tộc là vấn đề có ý nghĩa chiến lược, quyết định thành công của cách mạng:

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, đại đoàn kết toàn dân tộc không phải là sách lược hay thủ đoạn chính trị mà là chiến lược lâu dài, nhất quán của cách mạng Việt Nam.

Đây là vấn đề mang tính sống còn của dân tộc Việt Nam nên chiến lược này được duy trì cả trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa. Trong mỗi giai đoạn cách mạng, trước những yêu cầu và nhiệm vụ khác nhau, chính sách và phương pháp tập hợp đại đoàn kết có thể và cần thiết phải điều chỉnh cho phù hợp với từng đối tượng khác nhau song không bao giờ được thay đổi chủ trương đại đoàn kết toàn dân tộc, vì đó là nhân tố quyết định sự thành bại của cách mạng.

Từ thực tiễn xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, Hồ Chí Minh đã khái quát thành nhiều luận điểm mang tính chân lý về vai trò và sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc: “Đoàn kết là sức mạnh của chúng ta”, “Đoàn kết là một lực lượng vô địch của chúng ta để khắc phục khó khăn, giành lấy thắng lợi”, “Đoàn kết là sức mạnh, đoàn kết là thắng lợi”, “Đoàn kết là sức mạnh, là then chốt của thành công” “Bây giờ còn một điểm rất quan trọng, cũng là điểm mèo. Điểm này mà thực hiện tốt thì đẻ ra con cháu đều tốt: Đó là đoàn kết”. Người đã đi đến kết luận:

“Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết

Thành công, thành công, đại thành công”

Thứ hai, đại đoàn kết toàn dân tộc là một mục tiêu, nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng Việt Nam:

Đối với Hồ Chí Minh, đại đoàn kết không chỉ là khẩu hiệu chiến lược mà còn là mục tiêu lâu dài của cách mạng. Đảng là lực lượng lãnh đạo cách mạng Việt Nam nên tất yếu đại đoàn kết toàn dân tộc phải được xác định là nhiệm vụ hàng đầu của Đảng và nhiệm vụ này phải được quán triệt trong tất cả mọi lĩnh vực, từ đường lối, chủ trương, chính sách, tới hoạt động thực tiễn của Đảng. Trong lời kết thúc buổi ra mắt Đảng Lao động Việt Nam ngày 3-3-1951, Hồ Chí Minh tuyên bố: “Mục đích của Đảng Lao động Việt Nam có thể gồm trong tám chữ là: “ĐOÀN KẾT TOÀN D N, PHỤNG SỰ TỔ QUỐC”.

Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, do quần chúng và vì quần chúng. Đại đoàn kết là yêu cầu khách quan của sự nghiệp cách mạng, là đòi hỏi khách quan của quần chúng nhân dân trong cuộc đấu tranh tự giải phóng bởi nếu không đoàn kết thì chính họ sẽ thất bại trong cuộc đấu tranh vì lợi ích của chính mình. Nhận thức rõ điều đó, Đảng Cộng sản phải có sứ mệnh thức tỉnh, tập hợp, hướng dẫn quần chúng, chuyển những nhu cầu, những đòi hỏi khách quan, tự phát của quần chúng thành những đòi hỏi tự giác, thành hiện thực có tổ chức trong khối đại đoàn kết, tạo thành sức mạnh tổng hợp trong cuộc đấu tranh vì độc lập của dân tộc, tự do cho nhân dân và hạnh phúc cho con người.

Tóm lại, đại đoàn kết dân tộc là mục tiêu, nhiệm vụ của Nhân dân, Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước Việt Nam.

b. Trách nhiệm của sinh viên trong việc xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân.

Trước hết sinh viên cần nhận thức rõ về vai trò của đại đoàn kết dân tộc, quán triệt tư tưởng đại đoàn kết là vấn đề sống còn của dân tộc, từ đó ý thức được trách nhiệm của bản thân trong việc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, phát huy tính năng động của bản thân, tinh thần tự lực tự cường, vượt qua mọi thách thức.

Sinh viên cung cần hiểu được về vị trí, vai trò và tầm quan trọng của tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc gắn với thực hiện Chỉ thị số 05- CT/TW của Bộ chính trị về “Tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”. Đại đoàn kết là sự nghiệp của cả dân tộc, của cả hệ thống chính trị mà hạt nhân lãnh đạo là Đảng Cộng sản Việt Nam, được thực hiện bằng nhiều hình thức; trong đó chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước có ý nghĩa quan trọng hàng đầu.

Sinh viên cần gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân: tuyên truyền, vận động gia đình và nhân dân trên địa bàn thực hiện tốt chính sách, chủ trương của Đảng và Nhà nước; bảo vệ quyền lợi, lợi ích hợp pháp của công dân, phát huy dân chủ, giữ gìn kỷ cương, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí.

Trong đời sống, sinh viên cần tích cực tham gia các tổ chức chính trị xã hội nhằm tuyên truyền cho mọi người về tư tưởng đại đoàn kết toàn dân (mặt trận tổ quốc Việt Nam, Hội sinh viên, Đoàn thanh niên...).



CLB HỖ TRỢ HỌC TẬP



6. Quan điểm Hồ Chí Minh về các chuẩn mực đạo đức cách mạng

Lưu ý: Trình bày theo **sự hướng dẫn của thầy cô**. Tài liệu chỉ sử dụng với mục đích tham khảo, ôn tập. Sử dụng vào mục đích khác, CLB không chịu trách nhiệm.

Câu 9

Quan điểm Hồ Chí Minh về các chuẩn mực đạo đức cách mạng: Cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Vận dụng: Cách rèn luyện đạo đức cách mạng theo tư tưởng Hồ Chí Minh. ■

a. Cần kiệm liêm chính, chí công vô tư

Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư là nội dung cốt lõi của đạo đức cách mạng, đó là phẩm chất đạo đức gắn liền với hoạt động hàng ngày của mỗi người. Vì vậy, Hồ Chí Minh đã đề cập phẩm chất này nhiều nhất, thường xuyên nhất, phản ánh ngay từ cuốn sách Đường cách mệnh đến bản Di chúc cuối đời.

Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Bạn phong kiến ngày xưa nêu ra cần, kiệm, liêm, chính, nhưng không bao giờ làm lại bắt nhân dân phải tuân theo để phụng sự quyền lợi cho chúng. Ngày nay ta đề ra cần, kiệm, liêm, chính cho cán bộ thực hiện làm gương cho nhân dân theo để lợi cho nước cho dân”. Với ý nghĩa như vậy, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư cũng là một biểu hiện cụ thể của phẩm chất “trung với nước, hiếu với dân”.

“Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư” cũng là những khái niệm cũ trong đạo đức truyền thống dân tộc, được Hồ Chí Minh lọc bỏ những nội dung không phù hợp và đưa vào những nội dung mới đáp ứng yêu cầu của cách mạng.

“Cần túc là siêng năng, chăm chỉ, cố gắng dẻo dai”. Cần túc là lao động cần cù, siêng năng; lao động có kế hoạch, sáng tạo, có năng suất cao; lao động với tinh thần tự lực cánh sinh, không lười biếng.

“Kiệm là thế nào? Là tiết kiệm, không xa xỉ, không hoang phí, không bừa bãi”. “Tiết kiệm không phải là bẩn xỉn. Khi không nên tiêu xài thì một đồng xu cũng không nên tiêu... Việc đáng tiêu mà không tiêu, là bẩn xỉn, chứ không phải là kiệm. “Cần với kiệm, phải đi đôi với nhau, như hai chân của con người”.

Liêm “là trong sạch, không tham lam”; là liêm khiết, “luôn luôn tôn trọng giữ gìn của công, của dân”, “Liêm là không tham địa vị. Không tham tiền tài. Không tham sung sướng,... Chỉ có một thứ ham là ham học, ham làm, ham tiền bối”. “Chữ Liêm phải đi đôi với chữ Kiệm. Cũng như chữ Kiệm phải đi với chữ Cần. Có Kiệm mới Liêm được”.

“Chính nghĩa là không tà, nghĩa là thẳng thắn, đứng đắn. Điều gì không đứng đắn, thẳng thắn, tức là tà”. Chính được thể hiện rõ trong ba mối quan hệ: “Đối với mình - Chớ tự kiêu, tự đại”. “Đối với người.... Chớ nịnh hót người trên. Chớ xem khinh người dưới. Thái độ phải chân thành, khiêm tốn,... Phải thực hành chữ Bác Ái”. “Đối với việc: Phải để công việc nước lên trên, trước việc tư, việc nhà”; “việc thiện thì dù nhỏ mấy cũng làm. Việc ác thì dù nhỏ mấy cũng tránh”.

Chí công vô tư là hoàn toàn vì lợi ích chung, không vì tư lợi; là hết sức công bằng, không chút thiên tư, thiên vị, công tâm, luôn đặt lợi ích của Đảng, của nhân dân, của dân tộc lên trên hết, trước hết; chỉ biết vì Đảng, vì dân tộc, “lo trước thiên hạ, vui sau thiên hạ”. Chí công vô tư là chống chủ nghĩa cá nhân. Chí công vô tư về thực chất là sự tiếp nối cần, kiệm, liêm, chính.

Hồ Chí Minh coi cần, kiệm, liêm, chính là bốn đức tính cơ bản của con người, giống như bốn mùa của trời, bốn phong của đất; “Thiếu một đức, thì không thành người”. Các đức tính cần, kiệm, liêm, chính có quan hệ chặt chẽ với nhau, ai cũng

phải thực hiện, song cán bộ, đảng viên phải là người thực hành trước để làm kiểu mẫu cho dân.

b. Cách rèn luyện đạo đức cách mạng theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

Đạo đức Hồ Chí Minh là đạo đức cách mạng, nêu cao chủ nghĩa tập thể, tiêu diệt chủ nghĩa cá nhân. Để thích ứng với nền kinh tế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế, một nền đạo đức mới đã và đang hình thành. Đó là nền đạo đức vừa phát huy những giá trị truyền thống của dân tộc như yêu nước, thương người, sống nghĩa tình trọng vẹn, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư với những yêu cầu mới, những nội dung mới. Do đòi hỏi của dân tộc và thời đại, nhờ đó phần lớn sinh viên vẫn giữ được lối sống tình nghĩa, trong sạch, lành mạnh, khiêm tốn, luôn cần cù và sáng tạo trong học tập, sống có bản lĩnh, có chí lập thân, lập nghiệp, năng động nhạy bén, dám đối mặt với những khó khăn thách thức.

Bên cạnh đó do ảnh hưởng của nền kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế, do sự bùng phát của lối sống thực dụng, chạy theo danh lợi, bất chấp đạo lý đã dẫn đến những tiêu cực trong xã hội như đã có một bộ phận thanh niên, trong đó có không ít sinh viên phai nhạt niềm tin, lý tưởng, mất phương hướng phấn đấu, không có chí lập thân, lập nghiệp; chạy theo lối sống thực dụng, sống thử, sống dựa dẫm, thiếu trách nhiệm, thờ ơ với gia đình và xã hội, sa vào nghiện ngập, hút sách, thiếu trung thực, gian lận trong thi cử, chạy điểm, chạy thiền, chạy trường, mua bằng cấp. Đây là những thách thức rất lớn, làm cản trở thanh niên phát triển bản thân, phát triển đất nước.

Sinh viên là thế hệ tương lai của đất nước, chúng ta không chỉ luôn cố gắng nỗ lực trong học tập, sáng tạo tìm tòi cái mới mà song song với đó cần luôn tu dưỡng đạo đức bản thân. Muốn vậy, ta cần phải: thẩm nhuần tư tưởng đạo đức HCM thông qua các bài học trên lớp, các phương tiện truyền thông. Dành thời gian thỏa đáng để tìm hiểu đạo đức, tư tưởng HCM về tinh thần, trách nhiệm, nói đi đôi với làm; thực hành tư tưởng đạo đức HCM, tự soi mình, sửa mình, rèn luyện các phẩm chất đạo đức; tích cực tham gia các phong trào của Đoàn TN, Hội SV, phần đầu rèn luyện đạt danh hiệu SV5T, phần đầu trở thành tấm gương sáng về tinh thần trách nhiệm, tính trung thực, nói đi đôi với làm, xây đi đôi với chống; tu dưỡng đạo đức suốt đời, không chỉ giới hạn trong một giai đoạn của cuộc đời, rèn luyện đạo đức hàng ngày và trong mọi hoạt động thực tiễn của bản thân bởi lẽ phải đầu tranh rèn luyện bền bỉ thì mới thành được.



CLB HỖ TRỢ HỌC TẬP



7. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của văn hóa

Lưu ý: Trình bày theo **sự hướng dẫn của thầy cô**. Tài liệu chỉ sử dụng với mục đích tham khảo, ôn tập. Sử dụng vào mục đích khác, CLB không chịu trách nhiệm.

Câu 10

Phân tích quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của văn hóa. Vận dụng: Trách nhiệm sinh viên xây dựng nền văn hóa hiện nay?

a. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của văn hóa

Văn hóa là mục tiêu, động lực của sự nghiệp cách mạng.

Văn hóa là mục tiêu. Mục tiêu của cách mạng Việt Nam là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Theo quan điểm Hồ Chí Minh, văn hóa là mục tiêu – nhìn một cách tổng quát – là quyền sống, quyền sung sướng, quyền tự do, quyền mưu cầu hạnh phúc; là khát vọng của nhân dân về các giá trị chân, thiện, mỹ. Đó là một xã hội dân chủ - dân là chủ và dân làm chủ - công bằng, văn minh, ai cũng corm ăn áo mặc, ai cũng được học hành; một xã hội mà đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân luôn luôn được quan tâm và không ngừng nâng cao, con người có điều kiện phát triển toàn diện.

Văn hóa là động lực. Xét ở phương diện động lực phát triển xã hội là các yếu tố, các nhân tố góp phần thúc đẩy xã hội phát triển thông qua hoạt động của con người. Nếu tiếp cận văn hóa nhìn ở phương diện động lực, có thể nhận thức ở các lĩnh vực: văn hóa chính trị, văn hóa văn nghệ, văn hóa giáo dục, văn hóa đạo đức và văn hóa pháp luật.

Văn hóa là một mặt trận.

Mặt trận văn hóa là cuộc đấu tranh cách mạng trên lĩnh vực văn hóa - tư tưởng. Nói mặt trận văn hóa là nói đến một lĩnh vực hoạt động có tính độc lập, có mối quan hệ mật thiết với các lĩnh vực khác, đồng thời phản ánh tính chất cam go, quyết liệt của hoạt động văn hóa.

Nội dung mặt trận văn hóa phong phú, đấu tranh trên các lĩnh vực tư tưởng, đạo đức, lối sống... của các hoạt động văn nghệ, báo chí, công tác lý luận, đặc biệt là định hướng giá trị chân, thiện, mỹ của văn hóa nghệ thuật. Mặt trận văn hóa là cuộc chiến đấu trên lĩnh vực văn hóa; vì vậy anh chị em văn nghệ sĩ là chiến sĩ trên mặt trận ấy; cũng như các chiến sĩ khác, chiến sĩ nghệ thuật có nhiệm vụ phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân.

Để làm tròn nhiệm vụ, chiến sĩ nghệ thuật phải có lập trường tư tưởng vững vàng; ngòi bút là vũ khí sắc bén trong sự nghiệp “phò chính trừ tà”. Phải bám sát cuộc sống thực tiễn, đi sâu vào quần chúng, để phê bình nghiêm khắc những thói xấu như tham ô, lười biếng, lãng phí, quan liêu, và ca tụng chân thật những người tốt việc tốt để làm gương mẫu cho chúng ta ngày nay và giáo dục con cháu đời sau.

Theo Hồ Chí Minh, dân tộc ta là một dân tộc anh hùng, thời đại ta là một thời đại vẻ vang. Vì vậy chiến sĩ văn nghệ phải có những tác phẩm xứng đáng với dân tộc anh hùng và thời đại vẻ vang.

Văn hóa phục vụ quần chúng nhân dân.

Theo Người, mọi hoạt động văn hóa phải trở về với cuộc sống thực tại của quần chúng, phản ánh được tư tưởng và khát vọng của quần chúng. Phản ánh chân thực không chỉ dừng lại ở chỗ phản ánh những gì đã có trong đời sống nhân dân, mà

còn phải hướng Nhân dân loại bỏ cái giả, cái sai, cái không đúng để vươn tới cái lý tưởng.

Văn hóa phục vụ quần chúng nhân dân là phải miêu tả cho hay, cho thật, cho hùng hồn; phải trả lời được các câu hỏi: Viết cho ai? Mục đích viết? Lấy tài liệu đâu mà viết? Cách viết như thế nào? Tác phẩm phải phục vụ cho đông đảo quần chúng nhân dân, được quần chúng nhân dân yêu thích. Tóm lại “từ trong quần chúng ra. Về sâu trong quần chúng”. Trên cơ sở đó để định hướng giá trị cho quần chúng.

Chiến sĩ văn hóa phải hiểu và đánh giá đúng quần chúng. Quần chúng là những người sáng tác rất hay. Họ cung cấp cho những nhà hoạt động văn hóa những tư liệu quý. Và chính họ là những người thẩm định khách quan, trung thực, chính xác các sản phẩm văn nghệ. Nhân dân phải là những người được hưởng thụ các giá trị văn hóa.

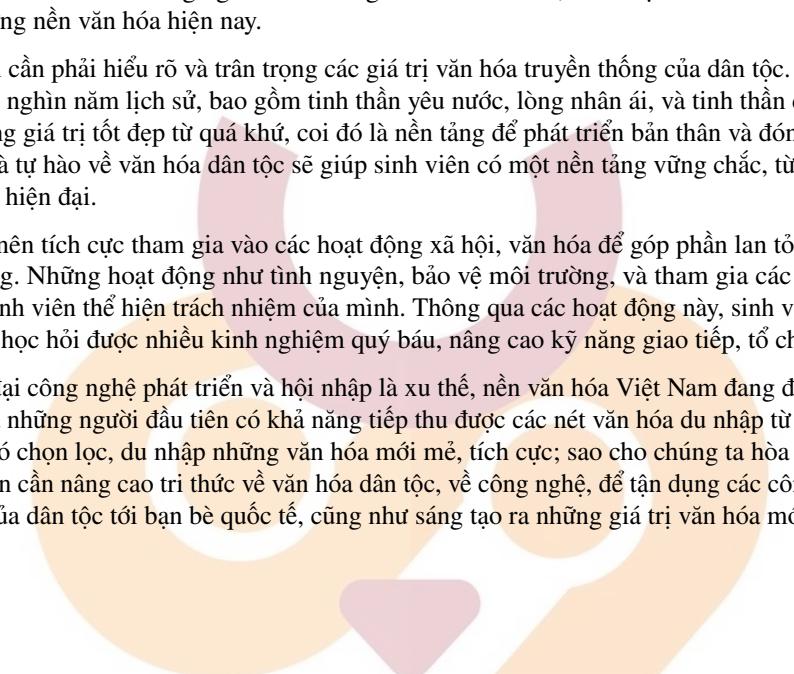
b. Vận dụng: Trách nhiệm sinh viên xây dựng nền văn hóa hiện nay:

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhấn mạnh vai trò quan trọng của văn hóa trong việc phát triển con người và xã hội. Theo tư tưởng của Người, văn hóa không chỉ là nền tảng của xã hội mà còn là động lực thúc đẩy sự tiến bộ và phát triển bền vững. Nhận thức rõ điều này, sinh viên - những người chủ tương lai của đất nước, cần nhận thức rõ vai trò và trách nhiệm của mình trong việc xây dựng nền văn hóa hiện nay.

Trước hết, sinh viên cần phải hiểu rõ và trân trọng các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc. Đây là những giá trị đã được hun đúc qua hàng nghìn năm lịch sử, bao gồm tinh thần yêu nước, lòng nhân ái, và tinh thần đoàn kết. Sinh viên cần học tập và giữ gìn những giá trị tốt đẹp từ quá khứ, coi đó là nền tảng để phát triển bản thân và đóng góp vào sự phát triển của xã hội. Việc hiểu và tự hào về văn hóa dân tộc sẽ giúp sinh viên có một nền tảng vững chắc, từ đó phát huy những giá trị này trong cuộc sống hiện đại.

Thứ hai, Sinh viên nên tích cực tham gia vào các hoạt động xã hội, văn hóa để góp phần lan tỏa những giá trị văn hóa tốt đẹp trong cộng đồng. Những hoạt động như tình nguyện, bảo vệ môi trường, và tham gia các sự kiện văn hóa đều là những cách cụ thể để sinh viên thể hiện trách nhiệm của mình. Thông qua các hoạt động này, sinh viên không chỉ đóng góp cho cộng đồng mà còn học hỏi được nhiều kinh nghiệm quý báu, nâng cao kỹ năng giao tiếp, tổ chức và lãnh đạo.

Thứ ba, trong thời đại công nghệ phát triển và hội nhập là xu thế, nền văn hóa Việt Nam đang đứng cả những cơ hội và thách thức. Sinh viên là những người đầu tiên có khả năng tiếp thu được các nét văn hóa du nhập từ bên ngoài, nên cần biết cách làm sao tiếp thu có chọn lọc, du nhập những văn hóa mới mẻ, tích cực; sao cho chúng ta hòa nhập nhưng không hòa tan. Đồng thời, sinh viên cần nâng cao tri thức về văn hóa dân tộc, về công nghệ, để tận dụng các công cụ hiện đại quảng bá văn hóa truyền thống của dân tộc tới bạn bè quốc tế, cũng như sáng tạo ra những giá trị văn hóa mới, phù hợp với thời đại.



CLB HỖ TRỢ HỌC TẬP